

Số: 06/2024/QĐST-VDS.

Đ, ngày 30 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v: Tuyên bố một người là đã chết

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Lê Thị Hà

Thư ký phiên họp: Ông Phạm Như Hoàng Hải – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội tham gia phiên họp: Bà Trần Thị Thúy Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố một người là đã chết theo Quyết định mở phiên họp số 04/2024/QĐST-VDS ngày 23/8/2024, gồm những người tham gia tố tụng sau:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà **Đàm Thị N**, sinh năm 1979; Địa chỉ: **Thôn I, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội**. Có mặt;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị Q**, sinh năm 1950; Địa chỉ: **Thôn I, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội**.

- Anh **Đoàn Minh H**, sinh năm 1998; Địa chỉ: **Thôn I, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội**.

- Cháu **Đoàn Văn H1**, sinh ngày 14/9/2012; Địa chỉ: **Thôn I, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội**.

Người đại diện theo pháp luật của cháu **H1** là bà **Đàm Thị N** (mẹ đẻ).

Bà **Q** và anh **H** có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu của bà **Đàm Thị N** và lời trình bày của những người có liên quan thì: Bà **Đàm Thị N** có chồng là ông **Đoàn Văn T**. Ông **T** có bố là ông **Đoàn Công L** (đã chết từ lâu) và mẹ là bà **Nguyễn Thị Q**. Vợ chồng ông **T**, bà **N** có hai người con chung là **Đoàn Minh H**, sinh năm 1998 và **Đoàn Văn H1**, sinh ngày 14/9/2012. Năm 2019, ông **T** được phát hiện bị mắc bệnh ung thư tủy. Sau khi phát hiện bị bệnh, ông **T** đã điều trị một thời gian tại bệnh viện. Do suy nghĩ

bi quan, chán nản vì mắc phải bệnh hiểm nghèo nên ngày 24/4/2019, ông **T** bỏ đi khỏi nhà, không ai biết rõ ông **T** đi đâu. Sau khi ông **T** bỏ đi, gia đình, người thân hai bên nội, ngoại đã đi tìm kiếm khắp nơi nhưng từ đó cho đến nay vẫn không có tung tích gì của ông **T**. Vì vậy, bà **N** yêu cầu Tòa án tuyên bố ông **Đoàn Văn T** đã chết.

Sau khi thụ lý đơn yêu cầu của bà **N**, Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng đã ra thông báo tìm kiếm ông **Đoàn Văn T** trên các phương tiện thông tin đại chúng: Đăng báo Thanh niên 03 số liên tiếp vào các ngày 24, 25, 26 tháng 04 năm 2024; Thông báo tìm kiếm trên Đài tiếng nói Việt Nam 03 số liên tiếp vào các ngày 27, 28, 29 tháng 4 năm 2024; đăng thông báo tìm kiếm trên cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội. Nhưng kể từ khi thông báo tìm kiếm cho đến nay, vẫn không nhận được tin tức gì của ông **Đoàn Văn T**.

Tòa án cũng tiến hành xác minh tại nơi cư trú cuối cùng của ông **T** và được chính quyền địa phương cho biết từ khoảng cuối tháng 4 năm 2019, ông **T** đã đi khỏi địa phương từ đó đến nay không quay về. Chính quyền địa phương không có thông tin gì về việc hiện nay ông **T** đang ở đâu, còn sống hay đã chết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết việc dân sự của Thẩm phán, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người yêu cầu là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ việc, căn cứ Điều 71 Bộ luật Dân sự; Điều 369, Điều 370, Điều 393 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu của bà **Đàm Thị N**, tuyên bố ông **Đoàn Văn T**, đã chết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà **Đàm Thị N** yêu cầu Tòa án tuyên bố chồng bà là ông **Đoàn Văn T**, sinh năm 1973; nơi cư trú cuối cùng: **xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội**, đã chết. Vụ việc thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng theo quy định tại khoản 4 Điều 27, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Nhận thấy, ông **Đoàn Văn T** bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 4 năm 2019 đến nay. Người thân của ông **T** và chính quyền địa phương đều không biết ở đâu. Trước khi đi khỏi địa phương, ông **T** đang bị mắc bệnh hiểm nghèo. Ngày 24/4/2024, Tòa án đã thông báo tìm kiếm ông **Đoàn Văn T** trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng cho đến nay vẫn không nhận được tin tức gì của ông **Đoàn Văn T** là còn sống hay đã chết.

Xét thấy, ông **Đoàn Văn T** đã biệt tích trên 05 (năm) năm liền và không có

tin tức xác thực là còn sống. Vì vậy, bà **Đàm Thị N** yêu cầu Tòa án tuyên bố ông **Đoàn Văn T**, đã chết là có căn cứ và được chấp nhận.

[3] Xác định thời điểm chết của ông **Đoàn Văn T**: Theo lời trình bày của bà **N**, mẹ và các con ông **T** thì ông **T** bỏ đi khỏi nhà vào ngày 24/4/2019, từ đó người thân không nhận được tin tức gì về ông **T**. Căn cứ kết quả xác minh tại **Công an xã T** cho biết từ khoảng tháng 4 năm 2019, ông **T** đi khỏi địa phương không quay về. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 68, khoản 2 Điều 71 Bộ luật Dân sự, Tòa án xác định ngày ông **T** chết là ngày 01/5/2019.

[4] Về lệ phí việc dân sự: Bà **Đàm Thị N** phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 27, Điều 35, Điều 39, Điều 149, 361, 371, 372, 391 và Điều 393 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 71, Điều 72 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 37 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của bà **Đàm Thị N** về việc tuyên bố ông **Đoàn Văn T** đã chết.

Tuyên bố: Ông **Đoàn Văn T**, sinh năm 1973, nơi cư trú cuối cùng: **Thôn I, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội** đã chết vào ngày 01 tháng 5 năm 2019.

2. Khi quyết định có hiệu lực pháp luật, quan hệ về Hôn nhân gia đình và các quan hệ nhân thân khác của ông **Đoàn Văn T** được giải quyết như đối với người đã chết.

3. Quan hệ tài sản của ông **Đoàn Văn T** được giải quyết theo quy định của pháp luật về thừa kế.

4. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà **Đàm Thị N** phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010171 ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

5. Quyền kháng cáo: Bà **Đàm Thị N** có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc ngày quyết định được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- UNND xã T, huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Lê Thị Hà

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/...../QĐST-.....⁽²⁾

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v⁽³⁾.....

TÒA ÁN NHÂN DÂN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông (Bà)

Các Thẩm phán: ⁽⁴⁾ Ông (Bà)

Ông (Bà)

Thư ký phiên họp: Ông (Bà)⁽⁵⁾

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân **tham gia phiên họp:** Ông (Bà)..... - Kiểm sát viên.

Ngày..... tháng..... năm....., tại⁽⁶⁾mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số/...../TLST-.... ngày.... tháng năm..... về việc⁽⁷⁾theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số/...../QĐST-..... ngày tháng.... năm....., gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:⁽⁸⁾

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự:⁽⁹⁾.....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự: ⁽¹⁰⁾.....

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽¹¹⁾.....

.....
Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽¹²⁾.....

.....
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽¹³⁾

.....
- Người làm chứng (nếu có):⁽¹⁴⁾.....

.....
- Người phiên dịch (nếu có):⁽¹⁵⁾.....

.....
- Người giám định (nếu có):⁽¹⁶⁾.....

.....
NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:⁽¹⁷⁾

.....
NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dânnhận định:⁽¹⁸⁾

[1]

[2].....

[3].....

.....
QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ⁽¹⁹⁾.....

- (20).....

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự⁽²¹⁾.....

- Quyền kháng cáo, kháng nghị⁽²²⁾.....

- Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án⁽²³⁾

Nơi nhận:

- Ghi theo quy định tại khoản 2 và khoản 3

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP ⁽²⁴⁾**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Điều 370 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: “Số: 20/2024/QĐST-KDTM”).

(3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.

(5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

(6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).

(7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn “văn bản ủy quyền ngày ... tháng ... năm”

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại..... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần X).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tạilà người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày..... tháng.... năm....).

(10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn L1); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).

(13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).

(14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.

(15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.

(18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.

(21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

(22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.

(23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.

(24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

“THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)”